TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 6 – 2019
V/v : *"Yêu cầu không công nhận vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoài Nam và bà Lê Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên toà:

Bà Phạm Thị Thanh – kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lại Thị Hồng V, sinh năm 1968

Địa chỉ: Buôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Vân H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Buôn A, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Lại Thị Hồng V trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trần Vân H chung sống với nhau từ năm 1991 đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, từ năm 1991 đến năm 2001, ông bà làm ăn sinh sống tại xã H, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Từ năm 2002 đến nay, ông bà sinh sống tại Buôn A, xã D, huyện K.

Vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc được khoảng 18 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về xây dựng kinh tế gia đình và trong sinh hoạt hằng ngày. Từ năm 2012, ông bà sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà và ông Trần Vân H và vợ chồng.

* Về con chung: Ông H và bà Vcó 2 con chung là:

- Trần Thị Thùy D, sinh ngày 10 – 12 – 1993;

- Trần Thị Lệ Q, sinh ngày 10 – 10 – 1995.

Các con chung đã thành niên, hoàn toàn khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

* Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Vân H trình bày: Ông thừa nhận ông và bà Lại Thị Hồng V chung sống không có đăng ký kết hôn từ năm 1991 và có 02 con chung như bà V đã trình bày. Vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2012 đến nay là đúng sự thật. Nay bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông và bà V thì ông đồng ý. Các vấn đề về con chung, về tài sản chung, ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà Vân.

Tại công văn số 50/UBND-VP ngày 08/5/2019, UBND xã H trả lời: từ năm 1991 đến năm 2001, Ông H và bà V có tạm trú và chung sống với nhau như vợ chồng tại xã H và qua kiểm tra tàng thư lưu trữ sổ kết hôn thì không có tên ông H và bà V.

Tại công văn số 12/UBND ngày 24/4/2019, UBND xã D trả lời: Ông H và bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã D từ năm 2002 đến nay. Qua kiểm tra sổ hộ tịch thì ông H, bà V không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã D.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Lại Thị Hồng V vẫn giữ nguyên yêu cầu, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Trần Vân H là vợ chồng. Ông Trần Vân H hoàn toàn nhất trí với yêu cầu của bà V.

Về con chung và tài sản chung: Ông H và bà V thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 28; Điều 35 BL TTDS; Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 12, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 về thu phí, lệ phí, án phí. Đề nghị:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lại Thị Hồng V và ông Trần Vân H.

Về con chung và tài sản: Không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Ông Trần Vân H và bà Lại Thị Hồng V có hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Bà V khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Vân H, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đăk Lăk theo quy định tại khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vân H và bà Lại Thị Hồng V chung sống từ năm 1991 đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (qua lời trình bày của các đương sự và công văn trả lời của chính quyền địa phương). Việc sống chung như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ Điều 53 và hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT – TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016, hướng dẫn một số quy định

của Luật hôn nhân và gia đình, bà V yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Trần Thị Thùy D , sinh ngày 10 – 12 – 1993 và Trần Thị Lệ Q, sinh ngày 10 – 10 – 1995.

Các con chung đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, ông bà không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Hồng V. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lại Thị Hồng V và ông Trần Vân H.

2. Về án phí: Bà Lại Thị Hồng V phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005841 ngày 27 – 3 – 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đăk Lăk .

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm

Nơi nhận:
-TANDTC
-TAND tỉnh
- VKSND huyện
-Các ĐS
-THADS huyện
-Lưu